

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2017/HNGĐ- ST

Ngày: 23/8/2017.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông: Hoàng Văn Bình

2. Bà: Nguyễn Thị Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Giang Thị Thúy Thu - Thư ký Toà án nhân dân
Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên
tòa:** Bà Vũ Thị Minh Nguyệt, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2017/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: Số nhà 21, ngách 8/122, đường Nguyễn Viết X, phố Đ, phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: Thôn Y, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị chung sống với anh Trần Văn T từ năm 1999, đến năm 2006 chị và anh T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, có được tự do tìm hiểu, tự nguyện. Từ khi lấy nhau vợ chồng sinh sống tại Phố Đ phường B, thành phố Ninh Bình,

cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, anh T chơi bời, cờ bạc, lơ đãng có quan hệ với bên ngoài. Tháng 2 năm 2010 anh T chơi bời dẫn đến vợ chồng phải bán nhà để trả nợ cho anh T, sau khi bán nhà chị và cháu L đã về nhà bố mẹ chị ở phố Đ, phường B, thành phố Ninh Bình sinh sống và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Anh T đã về nhà bố anh T ở thôn Y, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam sinh sống, thi thoảng anh T gọi điện cho con về nhà ông nội chơi với anh T chứ không về Ninh Bình chơi với vợ con. Khoảng cuối tháng 4 năm 2017 anh T có gọi điện cho chị về nhà bố anh T và cũng là nơi anh T ở để họp gia đình, anh T và chị đều xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đã làm đơn thuận tình xin ly hôn, anh T và chị đã lựa chọn Tòa án giải quyết việc ly hôn là Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, anh T đã làm đơn xin giải quyết vắng mặt vì bận công việc không về Tòa án giải quyết được. Sau khi viết đơn thuận tình ly hôn chị đã mang đơn về UBND phường B, thành phố Ninh Bình xin xác nhận rồi chị lên nhà anh T và cùng với anh T lên Công an xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam để xác nhận vào đơn thuận tình xin ly hôn và đơn xin giải quyết vắng mặt của anh T. Chị có yêu cầu anh T về Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình để giải quyết việc thuận tình ly hôn thì anh T nói chị cứ nộp đơn khi nào Tòa án triệu tập anh T sẽ về, nhưng từ khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án cho anh T thì chị được biết anh T đã đi làm ăn không ở nhà bố anh T ở thôn Y, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam nữa. Chị có gọi điện thoại cho anh T theo số điện thoại anh T gọi cho gia đình thì số điện thoại không liên lạc được. Anh T đang ở đâu cũng không thông báo nơi cư trú mới cho chị biết, chị có hỏi bố anh T thì bố anh T nói, anh T đi làm ăn xa thì thoảng mới về không biết anh T đang ở đâu. Cho đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Trần Văn T ly hôn nhau.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Trần Thị Khánh L, sinh ngày 20/01/2000, hiện nay cháu đang ở với chị, khi ly hôn chị xin được chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn thuận tình ly hôn và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 22/4/2017 anh Trần Văn T trình bày: anh và chị H kết hôn với nhau vào ngày 28/10/2006, có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Ninh Bình. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, từ ngày 20/01/2009 vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ ngày 10 tháng 02 năm 2010, hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng, anh chị thuận tình ly hôn. Về con chung có một con chung là Trần Thị Khánh L, anh chị tự thỏa thuận giải quyết việc nuôi con. Về tài sản chung và công nợ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lý do công việc anh không về trực tiếp làm việc với Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị H được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình giải quyết công nhận việc thuận tình ly hôn của anh với chị H vắng mặt anh, anh hoàn toàn nhất trí với phán quyết của Tòa án.

Tại phiên toà chị Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T và xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

- Về thẩm quyền của Tòa án: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Thu H có đơn thuận tình ly hôn và thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình giải quyết. Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Về việc tham gia tố tụng của anh Trần Văn T: Anh Trần Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt vì lý do công việc. Chính quyền địa phương và gia đình anh T cung cấp: Anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam nhưng thường xuyên đi làm ăn xa thi thoảng mới về. Hiện nay anh T ở đâu làm gì không ai biết. Để đảm bảo quyền lợi của anh T, Toà án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai theo quy định của pháp luật và tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS và Nghị quyết số 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn T chung sống với nhau từ năm 1999, đến năm 2006 anh T, chị H đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Việc kết hôn của chị H và anh T là tự nguyện, hợp pháp đúng theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị

chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời, lơ đãng cờ bạc, dẫn đến vợ chồng phải bán nhà trả nợ cho anh T. Từ tháng 2 năm 2010 đến nay chị H và con về nhà ông bà ngoại ở phường B, thành phố Ninh Bình sinh sống, còn anh T về thôn C, xã D, tỉnh Hà Nam sinh sống. Từ đó đến nay chị H, anh T không ai quan tâm đến ai. Nay anh T và chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn thuận tình ly hôn, song quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: anh T và chị H sống ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2010 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh Trần Văn T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị H và anh T có một con chung là cháu Trần Thị Khánh L, sinh ngày 20/01/2000. Khi ly hôn chị H xin được chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, trong đơn thuận tình ly hôn anh T không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu L đang ở với chị H, bản thân anh T thường xuyên đi làm ăn xa không có điều kiện chăm sóc cho con, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và cũng là nguyện vọng của cháu L, nên giao cháu L cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về mức cấp dưỡng cho con: chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên toà đều đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Chị H chấp hành đúng các quy định của pháp luật; anh T không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã làm đầy đủ các thủ tục niêm yết bảo vệ quyền lợi cho anh T theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 56, 57, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH; Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H về việc ly hôn, tranh

chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Trần Văn T; Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H với anh Trần Văn T; Về con chung: Giao cháu Trần Thị Khánh L, sinh ngày 20/01/2000 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Trần Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn anh Trần Văn T.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Khánh L, sinh ngày 20/01/2000 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.
3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0000474 ngày 05/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

Án xử sơ thẩm công khai chị Nguyễn Thị Thu H có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/8/2017; anh Trần Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND - TPNB;
- Chi cục THA - TPNB;
- UBND phường B;
- UBND xã C, huyện D; Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn./.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Sâm
(đã ký)